

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V1ÃN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V1ÃN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Bách.

Ông Vàng A Lù.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Bá Đạt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V1ãn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V1ãn Chấn tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V1ãn Chấn tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:65/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn số 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số: 03/2025/TB-TA ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cẩm Thị L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện V1, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lục Văn V, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện V1, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Cẩm Thị L trình bày: Chị và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V1, tỉnh Yên Bái vào ngày 15/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn C, xã G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi vã, khắc khẩu, chồng thường uống rượu chè, ghen tuông vô cớ có lần còn đánh vợ, gia đình hai bên và chính quyền địa

phương đã khuyên bảo hòa giải nhưng không cải thiện được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Về con chung: Chị L và anh V có 02 con chung là Lục Thị Ngọc M, sinh ngày 14/4/2016 và Lục Quốc H, sinh ngày 11/7/2018 khi vợ chồng sống ly thân thì anh V và gia đình không đồng ý cho chị nuôi các con nên đã ngăn cản chị mang theo các con do vậy hiện nay các con chung đang ở với bố mẹ đẻ của anh V, tuy nhiên mọi kinh phí học tập, ăn uống chị đều lo và đưa cho bố mẹ anh V để nuôi các con và vẫn thường xuyên qua lại thăm nom cho các con chung. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Lục Thị Ngọc M, để anh V nuôi con Lục Quốc H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, chị L cung cấp đơn đề nghị xác nhận thu nhập có xác nhận của UBND xã G với nội dung chị L có mức thu nhập là 200.000 đồng/ngày. Về tài sản chung và nợ chung chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lục Thị Ngọc M đủ 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Cẩm Thị L.

Tại biên bản xác minh với Trưởng thôn C, xã G, huyện V1, tỉnh Yên Bái cho biết: Chị Cẩm Thị L và anh Lục Văn V kết hôn và đăng ký năm 2016, sau đó chung sống tại Thôn C, xã G, huyện V1, tỉnh Yên Bái. Quá trình sống chung có xảy ra mâu thuẫn vào năm 2023 do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, anh V đi làm ăn xa thì thoả với trở về địa phương. Anh chị có 02 con chung là cháu M và cháu H, hiện hai cháu đang sinh sống cùng ông bà nội tại địa phương, do vợ chồng mâu thuẫn chưa giải quyết dứt khoát nên anh V, chị L nhờ ông bà chăm sóc các cháu, chị L vẫn thấy về thăm nom các cháu. Anh V, chị L đều có nghề nghiệp làm ruộng ngoài ra còn đi làm thuê các công việc khác nên có thu nhập khoảng 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ ngày

Tại biên bản xác minh với ông Lục Văn X - bố đẻ của anh Lục Văn V thể hiện: Anh V chị L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn sau đó sinh sống chung với gia đình ông tại thôn C, xã G, quá trình chung sống ông không thấy anh V chị L có mâu thuẫn gì, chỉ có từ năm 2023 anh V đi làm ăn xa, đi làm phụ xây thì anh V và chị L bị rạn nứt tình cảm, chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 6/2023 đến nay không về ở cùng anh V nữa. Vợ chồng anh chị Lan V1 có 02 con chung hiện nay các cháu đang sinh sống của gia đình ông. Hiện nay anh V1 đi làm phụ xây ở Hà Nội khoảng 2 đến 3 tháng mới về nhà, địa chỉ nơi làm việc của anh V1 ông không biết, công việc của anh V1 có thu nhập khoảng 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V1ăn Chấn tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cẩm Thị L: Xử cho Chị L được ly hôn với anh V1; Về con chung:

Giao cho chị Cẩm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con là Lục Thị Ngọc M, sinh ngày 14/4/2016, để anh V1 được trực tiếp nuôi con Lục Quốc H, sinh ngày 11/7/2018. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lục Văn V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã G, huyện V1, tỉnh Yên Bái. Do đó, vụ án do Tòa án nhân dân huyện V1ấn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Lục Văn V vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Cẩm Thị L vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Cẩm Thị L và anh Lục Văn V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cẩm Thị L và anh Lục Văn V kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V1, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh V được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị L trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm khắc khẩu thường cãi vã, anh V thường uống rượu chè, ghen tuông vô cớ có lần còn đánh vợ, gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã khuyên bảo hòa giải nhưng không cải thiện được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Tại biên bản xác minh với bố đẻ của anh V thể hiện thời gian từ năm 2023 anh V đi làm phụ xây ở Hà Nội dẫn đến tình cảm vợ chồng anh chị rạn nứt, từ tháng 6/2023 chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống không sống chung với anh V. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương thể hiện năm 2023 anh chị có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, từ tháng 6/2023 đến nay anh V chị L sống ly thân, hiện anh V đi làm ăn thi thoảng có trở về địa phương. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn tình nghĩa với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh V có 02 con chung là Lục Thị Ngọc M, sinh ngày 14/4/2016 và Lục Quốc H, sinh ngày 11/7/2018. Ly hôn, Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Lục Thị Ngọc M còn để anh V nuôi con Lục Quốc H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, con chung Lục Thị Ngọc M đủ 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, chị L, anh V đều có nghề nghiệp làm ruộng, ngoài ra còn làm thuê các công việc khác, đều là người lao động có thu nhập, nên việc giao con Lục Thị Ngọc M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lục Quốc H cho anh Lục Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Cẩm Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cẩm Thị L được ly hôn anh Lục Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Cẩm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lục Thị Ngọc M, sinh ngày 14/4/2016, giao cho anh Lục Văn V được trực tiếp nuôi con chung là Lục Quốc H, sinh ngày 11/7/2018, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cẩm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Chị L đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0000818 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Chân, tỉnh Yên Bái. Chị Cẩm Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Cẩm Thị L và anh Lục Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND xã Gia Hội;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Hoa Quỳnh

